CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/2020/BAODUC

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CƠ SỞ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM BẢO ĐỨC.**

Địa chỉ: Số 79/6A, KP. Phú Hội, Phường Vĩnh Phú, TX. Thuận An, Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3662650- 0913. 132650, Fax: ....., Email: ……

Mã số doanh nghiệp: 46F80019543

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 16/2019/QLCN-GCNATTP-SCT.

Nơi cấp: Sở Công thương Bình Dương

Ngày Cấp: 13/09/2019

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CHẢ LỤA CHAY

2. Thành phần: Gluten bột mì 76.69%. Dầu đậu nành 17.64%, (Ester của Polyglycerol với axít béo (475), vitamin A). Hạt nêm nấm 2.76%, (bột nấm hương, tinh chất nấm, bột rau củ, đạm thực vật, chất điều vị 621(mnonatri glutamat), chất điều vị 631 (dinatri inosinat), chất điều vị 627 (dinatri guanilat)). Đường mía 2.3%. Điều vị 0.31% (đường D-xylose). Hat tiêu 0.3%.

3. Thời hạn sử dụng và bảo quản sản phẩm: Bảo quản tủ đông $\leq$ - 18 ^{0} C (hoặc ngăn đá tủ lạnh) thời hạn sử dụng 2 năm.

4. Hướng dẫn sử dụng: sốt cà, Chiên, làm đồ nguội, kho tiêu, thả lẫu...

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: 250 g, 480 g, 500 g, 1 kg

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)*

CƠ SỞ CHẾ
BẢ
79/6A KP.Phú Hội
MST: 3

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Các chỉ tiêu kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,2
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 0,2

1.4. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Quyết định 46/2007/QĐ-BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số VSV hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^6$
2	*Coliforms*	CFU/g	$\leq 10^3$
3	*E.coli*	CFU/g	$\leq 10^2$
4	*Clostridium perfringens*	CFU/g	$\leq 10^2$
5	*Bacillus cereus*	CFU/g	$\leq 10^2$
6	*S. aureus*	CFU/g	$\leq 10^2$
7	Tổng số bào tử nấm mốc – men	CFU/g	$\leq 10^3$

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thuận An, ngày 18.../12.../2020

Chủ cơ sở

CƠ SỞ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
BẢO ĐỨC
79/6A KP.Phú Hội-P.Vĩnh Phú-TX.Thuận An-BD
MST: 3702108433

Ngô Thị Thui

NHÃN HÀNG HÓA

CHẢ LỤA CHAY

Thành phần: Gluten bột mì 76.69%. Dầu đậu nành 17.64%, (Ester của Polyglycerol với axít béo (475), vitamin A). Hạt nêm nấm 2.76%, (bột nấm hương, tinh chất nấm, bột rau củ, đạm thực vật, chất điều vị 621(mnonatri glutamat), chất điều vị 631 (dinatri inosinat), chất điều vị 627 (dinatri guanilat)). Đường mía 2.3%. Điều vị 0.31% (đường D-xylose). Hat tiêu 0.3%.

- NSX và HSD: xem trên bao nhãn.
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo $\leq -18\ ^{0}$ C.
- Hướng dẫn sử dụng: Ăn sau khi xả đông, hấp nóng, Sốt cà, Chiên, làm đồ nguội, kho tiêu, thả lẫu...

Sản xuất tại: **Cơ Sở chế Biến thực Phẩm Bảo Đức**

MSt: 3702 108 433

Địa chỉ: 79/6A KP. Phú Hội, P. Vĩnh Phú, TP. Thuận An, T. Bình Dương.

Điện thoại: (0274) 366 2650 - 0913. 132650

Số TCB: số 05/2020/BAODUC

Số ATTP: 16/2019/QLCN-GCNATTP-SCT..

NSX:.....

HSD: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

KLT: 480 g

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
Chứng nhận

Cơ sở: **Cơ sở chế biến thực phẩm Bảo Đức**

Loại hình sản xuất: **Bánh tráng (120 tấn/năm); chả chay (4 tấn/năm); sườn non chay (12 tấn/năm); bột chiên xù (2 tấn/ năm).**

Chủ cơ sở: **Ngô Thị Thư**

Địa chỉ sản xuất: **79/6A, khu phố Phú Hội, phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.**

Điện thoại: 0913132650 Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Bình Dương, ngày 13 tháng 9 năm 2019
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Văn Dành

Số cấp: 16/2019/QLCN/GCNATTP-SCT

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày 12/9/2022.

Số nội bộ: 308 /GCN-SCT ngày 16 / 9 /2019

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 026915 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 24644.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CƠ SỞ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM BẢO ĐỨC

Địa chỉ : 79/6A KHU PHỐ PHÚ HỘI, PHƯỜNG VĨNH PHÚ, TP. THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tên mẫu : **CHẢ LỤA CHAY**

Ngày lấy mẫu : 26/11/2020

Lượng mẫu : 02 cây x 500 g

Ngày nhận mẫu : 27/11/2020

Người gửi mẫu : Nguyễn Văn Thảo

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Glucid	AOAC 986.25	4,85 g/100g	07/12/2020
2	Định tính Borax	AOAC 970.33	Âm tính	30/11/2020
3	Độ ẩm	HD.PP.14-1/TT.LH:2018 (Ref. AOAC 950.46) (b)	56,59 g/100g	30/11/2020
4	Hàm lượng Acid	TCVN 5483 - 2007	1,98 mL NaOH 1N/100g	30/11/2020
5	Tro không tan trong HCl	AOAC 941.12	0,11 g/100g	30/11/2020
6	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	< 0,05 mg/kg	03/12/2020
7	Kali Benzoat (Tính theo Acid Benzoic)	HD.PP.01/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 5 mg/kg	02/12/2020
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (b)	< 10 CFU /g	27/11/2020
9	Coliforms	AOAC 966.24 (b)	0 MPN /g	27/11/2020
10	*Escherichia coli*	AOAC 966.24 (b)	0 MPN /g	27/11/2020
11	*Bacillus cereus*	AOAC 980.31 (b)	0 MPN /g	27/11/2020
12	*Clostridium perfringens*	AOAC 976.30 (b)	< 10 CFU /g	27/11/2020
13	*Staphylococcus aureus*	AOAC 987.09 (b)	0 MPN /g	27/11/2020
14	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (b)	< 10 CFU /g	27/11/2020

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN12009.07095818 MM12009.070958181	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 14/09/2020

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM BẢO ĐỨC**
Địa chỉ/ *Address* : 105/6A NGÔ CHÍ QUỐC, KHU PHỐ 2, PHƯỜNG BÌNH CHIỂU, QUẬN THỦ ĐỨC, TP. HCM
Tên mẫu/ *Name of sample* : **CHẢ LỤA CHAY**
Số lượng/ *Quantity* : 1
Mô tả mẫu/ *Sample description* : Sample contained in tight bag
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : Sep 07, 2020
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : Sep 14, 2020

STT/ ***No***	**Chỉ tiêu kiểm nghiệm/** ***Parameters***	**Đơn vị tính/** ***Unit***	**Kết quả/** ***Result***	**Phương pháp/** ***Test method***
1	Ca	mg/100g	12 (%DV = 0)	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
2	Fe	mg/100g	3.2 (%DV = 20)	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
3	Potassium	mg/100g	21 (%DV = 0)	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
4	Sodium	mg/100g	520 (%DV = 23)	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
5	Calories	kcal/100g	242	Food and Drug Administration (*)
6	Dietary fiber	g/100g	Not detected (%DV = 0)	CASE.NS.0030 (Ref. AOAC 991.43) (*)
7	Protein	g/100g	29.7 (Total nitrogen x 6.25) (%DV = 59.4)	CASE.NS.0039 (Ref. AOAC 992.15) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
8	Total carbohydrate	g/100g	1.75 (%DV = 0.637)	Food and Drug Administration (*)
9	Total Fat	g/100g	12.9 (%DV = 16.5)	CASE.NS.0031 (Ref. FAO 14/7 p.214, 1986) (*)
10	Total sugar	g/100g	2.87	TCVN 4594:1988 (*)
11	Added sugar	g/100g	0.26 (%DV = 0.52) (Saccharose)	CASE.SK.0001
12	Cholesterol	mg/100g	Not detected, MDL = 0,1 (% DV =0)	CASE.SK.0012 - GC (*)
13	Saturated fat	g/100g	5.26 (% DV = 26.3)	CASE.SK.0107 - GC (*)
14	Vitamin D	µg/100g	Not detected, Vitamin D2: MDL = 10 (%DV = 0) Vitamin D3: MDL = 10 (%DV = 0)	CASE.SK.0125 (*)
15	Trans fat	g/100g	Not detected, MDL = 0.001	CASE.NC.0009 (ATR – FTIR) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Đình Hiệp

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH2.7.8, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST REPORT*

Mã số mẫu/ *Sample Code*: **MM12009.070958181**

Nutrition Facts			
Serving per container **Serving size**		**100g**	
Amount Per Serving **Calories**		**242**	Food and Drug Administration (*)
		% Daily Value*	
Total Fat	12,9 g	16,5%	CASE.NS.0031 (Ref. FAO 14/7 p.214, 1986) (*)
Saturated Fat	5,26 g	26,3**%**	CASE.SK.0107 - GC (*)
Trans Fat	0 g		CASE.NC.0009 (ATR – FTIR) (*)
Cholesterol	0 mg	0**%**	CASE.SK.0012 - GC (*)
Sodium	520 mg	**23%**	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
Total Carbohydrate	1,75 g	0,637%	Food and Drug Administration (*)
Dietary Fiber	0 g	0%	CASE.NS.0030 (Ref. AOAC 991.43) (*)
Total Sugars	2,87 g		TCVN 4594:1988 (*)
Includes	0,26g Added Sugar	0,52 %	CASE.SK.0001
Protein	29,7 g	59,4%	CASE.NS.0039 (Ref. AOAC 992.15) (*)
Vitamin D	0 µg	0%	CASE.SK.0125 (*)
Calcium	12 mg	0%	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
Iron	3,2 mg	20%	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
Potassium	21 mg	0%	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.			

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH2.7.18, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN12009.07095818 MM12009.070958181	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 14/09/2020

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM BẢO ĐỨC**

Địa chỉ/ *Address* : 105/6A NGÔ CHÍ QUỐC, KHU PHỐ 2, PHƯỜNG BÌNH CHIỂU, QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu/ *Name of sample* : **CHẢ LỤA CHAY**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 07/09/2020

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 14/09/2020

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Đình Hiệp

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH27.18, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn